

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 261/2024/DP-ST

Ngày: 14 - 6 - 2024

V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến

Các thẩm phán: Ông Trần Tuấn Vũ;

Ông Nguyễn văn Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2024/TLPT-DS, ngày 8 tháng 05 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST, ngày 26-03-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2024/QĐXX-PT, ngày 20 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957; trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Chị Châu Thị T, sinh năm 1988; cư trú tại: ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Ngô Thị B, sinh năm 1996; trú tại: ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có mặt.

(là người đại diện theo ủy quyền - văn bản ủy quyền ngày 29/8/2023).

Bị đơn: bà Phạm Thị T1, sinh năm 1968; trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; trú tại: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị T1 là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29-8-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – chị Châu Thị T và chị Ngô Thị B thống nhất trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhiều năm, bà Nguyễn Thị N có cho bà Phạm Thị T1 vay tiền nhiều lần, cụ thể số tiền từng lần vay và thời gian vay bà N không nhớ rõ, các giao dịch thường do con dâu của bà N là chị Nguyễn Thị L chuyển khoản cho bà T1. Tính đến ngày 04-4-2023, bà T1 còn nợ bà N 2.500.000.000 đồng, bà T1 viết giấy ký tên xác nhận có vay của bà N số tiền 2.500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng thời gian trả nợ là 01 tháng, không thỏa thuận lãi.

Từ khi chót nợ đến nay, bà N nhiều lần liên lạc yêu cầu bà T1 trả nợ như thỏa thuận nhưng bà T1 chưa trả được khoản tiền nợ gốc nào. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà T1 trả số tiền nợ gốc còn lại 2.500.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Phạm Thị T1 trình bày:

Từ năm 2021 đến năm 2023, bà có vay tiền của chị Nguyễn Thị L nhiều lần, khi vay không làm giấy tờ, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay có khi vài ngày hoặc vài tháng. Đến ngày 04-4-2023, bà N là mẹ chồng của chị L có yêu cầu bà viết giấy nợ xác nhận số tiền còn nợ của chị L, do tin tưởng vào mối quan hệ làm ăn giữa bà và bà N nên bà có viết giấy xác nhận có nợ bà N 2.500.000.000 đồng. Bà N và bà thỏa thuận miệng trả dần số tiền nợ trên nhưng do làm ăn khó khăn, những người nợ bà không trả nợ đúng hạn nên bà chưa có tiền thanh toán cho bà N.

Giao dịch giữa các bên thực hiện thông qua chuyển khoản vào tài khoản của bà và chị L. Việc trả lãi vay do bà tự nguyện nên bà không yêu cầu tính lãi lại đối với số tiền đã trả lãi và không cung cấp chứng về việc trả lãi cho Tòa án.

Bà đồng ý trả dần cho chị L số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng, không trả lãi do bà vay tiền trực tiếp của chị L không liên quan đến bà N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị là con dâu của bà N, sống chung và thường phụ giúp bà N việc làm ăn. Số tiền 2.500.000.000 đồng là bà T1 vay của bà N, chị chỉ chuyển khoản cho bà T1 theo chỉ đạo của bà N do bà N không rành về giao dịch chuyển khoản ngân hàng. Số tiền

này không phải của chị, việc vay tiền đều là bà T1 trực tiếp thương lượng với bà N, không liên quan đến chị. Đề nghị bà T1 có trách nhiệm trả nợ cho bà N theo như giấy nợ đã ký.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST, ngày 26-03-2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Phạm Thị T1 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc bà Phạm Thị T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng). Ghi nhận bà N không yêu cầu tính lãi.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27-3-2024 bà Phạm Thị T1 làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phạm Thị T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị Ngô Thị B đại diện theo ủy quyền của bà N không chấp nhận kháng cáo của bà T1, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa Phúc thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị T1 kháng cáo trong hạn luật định, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Phạm Thị T1 trả số tiền còn là 2.500.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi; cung cấp chứng cứ giấy có nội dung

“Hôm nay ngày 04-4-2023 tôi tên là Phan Thị T2 có vay của chị N số tiền là hai tỷ rưỡi, tôi viết giấy này để làm bằng chứng cho việc thanh toán sau này” chữ ký và chữ viết Phạm Thị T1.

Bà Phạm Thị T1 cho rằng từ tháng 12-2021 đến tháng 4-2023 bà có vay của chị Nguyễn Thị L (con dâu bà N) nhiều lần, vay trả xong rồi vay lại, lần cuối còn nợ chị L số tiền là 1.500.000.000 đồng. Đến ngày 04 tháng 4 năm 2023, yêu cầu bà viết lại giấy nợ và tính luôn tiền lãi thành 2.500.000.000 đồng, do chị em thân tín, tin tưởng viết giấy nợ sang tên bà N thay vì nợ chị L. Bà đồng ý trả dần cho chị L số tiền nợ gốc 1.500.000.000 đồng, không trả lãi do bà vay tiền trực tiếp của chị L không liên quan đến bà N.

[3] Xét thấy, bà T1 không thừa nhận việc vay tiền của N nhưng căn cứ vào giấy nhận nợ lập ngày 04-4-2023 (BL số 60), bản tự khai của bà T1 (BL số 62, 63) có nội dung: “... ngày 20-8-2023 tôi đã vào nhà gặp chị N và con trai, con dâu của chị N là cô L để nói trả dần số nợ trên,... Do khách hàng nợ tôi rất nhiều tiền nhưng đến nay chưa thu nợ được nên tôi chưa có đủ tiền để thanh toán toàn bộ số nợ trên cho bà N, lúc đó bà N cùng gia đình đồng ý đề nghị của tôi là tôi sẽ trả dần.”, các giấy vay tiền giữa bà T1 và bà N1 (BL số 56 và 57) trước đây đã thanh toán xong như: Giấy vay tiền lập ngày 02-02-2022, số tiền bà T1 vay của bà N là 200.000.000 đồng; giấy vay tiền lập ngày 30-8-2022, số tiền bà T1 vay của bà N là 700.000.000 đồng; giấy vay tiền lập ngày 07-9-2022, số tiền bà T1 vay của bà N là 2.100.000.000 đồng.

Việc bà T1 cho rằng số tiền trên là nợ chị L nhưng chị L không thừa nhận mà xác định bà T1 nợ bà N, bà T1 cho rằng bà N cho trả dần nợ nhưng bà N không thừa nhận bà T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên có đủ cơ sở xác định bà T1 có vay tiền của bà N. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà T1 trả cho bà N số tiền 2.500.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật

[4] Bà T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T1 phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T1, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 26 tháng 03 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Phạm Thị T1 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Buộc bà Phạm Thị T1 trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng).

Ghi nhận bà N không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị T1 phải chịu 82.000.000 đồng (tám mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng); nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004879 ngày 28-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Tân Biên;
- CCTHADS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Hữu Chiến